

# Thủ tục của bảo hiểm y tế quốc dân

Ở Nhật Bản, đang áp dụng chế độ 「bảo hiểm y tế toàn dân」, trong đó mọi công dân đều phải tham gia một trong số các loại bảo hiểm y tế chung, hỗ trợ lẫn nhau chi trả chi phí y tế của nhau. Điều này cũng có nghĩa là, người nước ngoài có tư cách lưu trú ở Nhật bản cũng phải tham gia bảo hiểm.

Trong đó, có 2 loại bảo hiểm đó là 「bảo hiểm người lao động」 cho đối tượng là nhân viên của công ty, doanh nghiệp và 「bảo hiểm y tế quốc dân」 dành cho người không nằm trong bảo hiểm người lao động, do các tỉnh, quận, huyện, thành phố, thị trấn, làng xã cùng điều hành quản lý.

Hướng dẫn này, được tạo ra để mọi công dân người nước ngoài sống ở hokkaido hiểu được cơ chế và thủ tục của bảo hiểm y tế quốc dân.

Những câu hỏi hoặc thắc mắc liên quan đến bảo hiểm y tế quốc dân, vui lòng hãy liên hệ đến cơ quan hành chính địa phương nơi bạn ở để được tư vấn. Và đừng quên mang theo hộ chiếu và thẻ cư trú khi làm thủ tục hoặc khi đến cơ quan hành chính để trao đổi những thắc mắc của bạn.

## 国民健康保険の手引き

日本では、全ての国民が何らかの公的医療保険に加入し、お互いの医療費を支え合う「国民皆保険」制度が導入されています。これは、日本に在留資格のある外国人の方も同様に加入することとなります。

その中には、企業の従業員が対象となる「被用者保険」と、被用者保険以外の方が加入し、都道府県や市町村が協同で運営する「国民健康保険」の2つがあります。

この手引きは、日本の国民健康保険のしくみや手続きなどを、北海道にお住まいの外国人のみなさまに理解していただくために作成したものです。

国民健康保険に関するご質問などは、お住まいの市町村へお問い合わせください。なお、手続やお問い合わせの際には、パスポート及び在留カードを忘れずにお持ちください。

chào mừng đến với hokkaido !

ようこそ！北海道



hokkaido nakashibetsu

北海道中標津町

# 1 Chế độ của bảo hiểm y tế quốc dân (BHYTQD) là 国民健康保険(国保)の制度とは

Bảo hiểm y tế quốc dân là chế độ mà người tham gia bảo hiểm nộp phí bảo hiểm (thuế bảo hiểm), từ đó hỗ trợ lẫn nhau chi trả chi phí y tế, để người tham gia bảo hiểm có thể an tâm tiếp nhận y tế khi bị bệnh hay thương tích.

国民健康保険は、病気やけがにそなえて、安心して医療が受けられるように、加入者がそれぞれ保険料(保険税)を出し合い、そこから医療費を支払う助け合いの制度です。

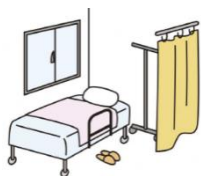


①  
Người tham gia BHYTQD

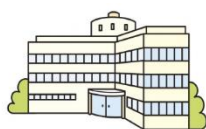
- ① 国保加入者
- ② 医療費の一部を支払う
- ③ 保険料(税)を支払う
- ④ 市町村
- ⑤ 残りの医療費を支払う
- ⑥ 病院など

②  
Thanh toán 1 phần của  
phí y tế

③  
Nộp phí bảo hiểm  
(thuế)



⑥  
Bệnh viện



④  
Cơ quan hành chính  
địa phương



⑤  
Thanh toán phần còn lại của phí bảo hiểm

## 2 Người nước ngoài tham gia BHYTQD 国保に加入する外国人

Người nước ngoài đăng kí cư trú ở các thành phố, thị trấn, làng xã ở Hokkaido, đều có nghĩa vụ tham gia bảo hiểm y tế quốc dân, **ngoại trừ những người thuộc bất kỳ điều nào sau đây.**

- Người có thời gian cư trú dưới 3 tháng. Tuy nhiên, mặc dù là thời gian cư trú dưới 3 tháng nhưng có tư cách cư trú là 「giải trí」 「thực tập kĩ thuật」 「tạm trú cùng gia đình」 「công vụ」 「hoạt động đặc định」 thì căn cứ vào hồ sơ người được chấp nhận cư trú trên 3 tháng có thể tham gia BHYTQD
- Người có tư cách cư trú là 「cư trú ngắn hạn」 「ngoại giao」
- Người có tư cách cư trú trong các 「hoạt động đặc định」, 「người đến Nhật Bản với mục đích chữa bệnh và người đi cùng chăm sóc người đó」 hoặc 「người có mục đích tham quan, nghỉ dưỡng」
- Người không có tư cách cư trú như cư trú bất hợp pháp ...
- Người đã tham gia bảo hiểm của người lao động ở nơi làm việc
- Người đang nhận hỗ trợ sinh hoạt
- Người 75 tuổi trở lên (là đối tượng của chế độ hỗ trợ cho người cao tuổi hậu kỳ)
- Người đến từ các quốc gia đang liên kết hiệp định bảo hiểm xã hội bao gồm bảo hiểm y tế với Nhật Bản, và được chính phủ của quốc gia đó cấp giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm xã hội (giấy chứng nhận áp dụng) .

### Các quốc gia liên kết hiệp định bảo hiểm xã hội bao gồm bảo hiểm y tế với Nhật Bản

Mỹ, Bỉ, Pháp, Hà Lan, Cộng hòa Séc, Thụy Sĩ, Hungary, Lucxambua (tháng 10 năm 2019)

#### Chú ý

Nếu chúng tôi biết bạn đang thực hiện hoạt động khác với bản chất của tư cách cư trú thì bạn có thể bị mất tư cách BHYTQD.

北海道の各市町村に住民登録をしている外国人の方は、**次のいずれかに該当する方を除き**、国民健康保険に加入する義務があります。

- 在留期間が3か月以下の方。ただし、在留期間が3か月以下でも、在留資格が「興行」「技能実習」「家族滞在」「公用」「特定活動」の場合で、資料により3か月を超えて滞在すると認められる方は加入できます。
- 在留資格が「短期滞在」「外交」の方
- 在留資格が「特定活動」のうち、「医療目的で入国した方とその付き添いの方」もしくは、「観光、保養目的の方」
- 不法滞在など、在留資格のない方
- 職場の被用者保険に加入している方
- 生活保護を受けている方
- 75歳以上の方(後期高齢者医療制度の対象です)
- 日本と医療保険を含む社会保障協定を結んでいる国の方で、本国政府から社会保険加入証明書(適用証明書)の交付を受けている方

日本と医療保険を含む社会保障協定を結んでいる国  
アメリカ、ベルギー、フランス、オランダ、チェコ、スイス、ハンガリー、ルクセンブルグ(令和元年10月現在)

#### 注意

本来の在留資格と異なる活動を行っていることが判明した場合、国保の資格が失われる場合があります。

### 3 khai báo BHYTQD 国保の届出

#### (1) Khi tham gia BHYTQD

Chủ hộ là người tổng hợp lại và thực hiện khai báo. Người tham gia BHYTQD, trong thời gian 14 ngày tính từ **ngày phát sinh tư cách BHYTQD (※)** vui lòng khai báo tại cơ quan hành chính nơi mình ở.

#### (※) Ngày phát sinh tư cách bảo hiểm

- Ngày đến Nhật Bản
- Ngày sinh
- Ngày chuyển đến thành phố, thị trấn, làng xã khác ở Nhật Bản
- Ngày ngừng tham gia bảo hiểm y tế khác
- Ngày trợ cấp sinh hoạt bị bãi bỏ

#### Nếu khai báo muộn

- Khoản Chi phí y tế trước khi khai báo bạn phải tự trả hoàn toàn, trừ trường hợp được chấp nhận vì có lý do bất đắc dĩ không thể tránh khỏi.
- Phí bảo hiểm (thuế), sẽ bị tính từ ngày phát sinh tư cách bảo hiểm.

#### (2) Khi ngừng tham gia BHYTQD

Các trường hợp như về nước, chuyển đến các thành phố khác của nhật chẳng hạn, hoặc khi bạn chuyển sang tham gia một loại bảo hiểm y tế khác như bảo hiểm y tế ở nơi làm việc, thì bạn cần phải khai báo ngừng tham gia BHYTQD và **trả lại thẻ bảo hiểm** tại cơ quan hành chính địa phương nơi bạn ở.

#### Nếu không khai báo

- Thẻ bảo hiểm sẽ không thể dùng được từ ngay tiếp theo của ngày mất tư cách BHYTQD, trường hợp nếu không để ý và đi khám bệnh thì bạn sẽ phải trả hoàn toàn chi phí y tế.
- Nếu không khai báo bạn có thể bị trùng bảo hiểm và bị mất phí bảo hiểm (thuế) không cần thiết.

#### (1) 国保に加入するとき

国保の届出は、世帯主がまとめて行います。国保に加入する方は、**国保の資格が発生した日(※)**から14日以内にお住まいの市町村に届出してください。

#### (※) 国保の資格が発生した日

- 日本に入国した日
- 生まれた日
- 日本の他市町村から転入した日
- 他の健康保険をやめた日
- 生活保護が廃止された日

#### 届出が遅れると

- 届出前にかかった医療費は、やむを得ない理由があると認められる場合を除き、全額自己負担となります。
- 保険料(税)は、資格が発生した日までさかのぼって発生します。

#### (2) 国保をやめるとき

母国に帰国される場合や、日本の他の市町村へ転出される場合、また職場の健康保険など別の医療保険に加入する場合は、お住まいの市町村で国保をやめる届出と**保険証の返還**が必要です。

#### 届出を行わないと

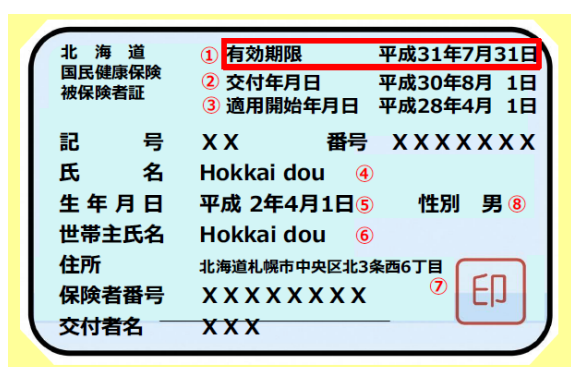
- 国保の資格が失われた翌日から保険証が使えなくなります。うっかり使って医療を受けてしまった場合、医療費の返還が必要となります。
- 届出をしていない場合、不要な保険料(税)がかかり続けてしまいます。

### (3) Khi thẻ bảo hiểm hết thời hạn có hiệu lực

Thời hạn có hiệu lực của thẻ bảo hiểm được ghi ở phía trên bên phải của thẻ bảo hiểm. Theo nguyên tắc thì thời hạn của bảo hiểm sẽ có hiệu lực đến ngày tiếp theo của thời hạn cư trú.

Trong trường hợp gia hạn thời gian cư trú thì thẻ bảo hiểm cũng thay đổi theo, vì vậy bạn vui lòng hãy khai báo tại cơ quan hành chính địa phương nơi bạn ở.

#### một ví dụ về thẻ bảo hiểm



- ① thời hạn có hiệu lực
- ② ngày cấp (ngày cấp thẻ bảo hiểm)
- ③ ngày bắt đầu áp dụng (ngày phát sinh tư cách bảo hiểm)
- ④ họ và tên
- ⑤ ngày tháng năm sinh
- ⑥ họ và tên chủ hộ
- ⑦ địa chỉ
- ⑧ giới tính

### (3) 有効期限が切れたとき

保険証の有効期限は、保険証の右上に記載されています。原則、在留期間の翌日までです。

在留期間が更新された場合、保険証も更新しますので、お住まいの市町村で届出してください。

#### 保険証について(一例)



- ①有効期間
- ②交付年月日(保険証の交付日)
- ③適用開始年月日(資格が発生した日)
- ④氏名
- ⑤生年月日
- ⑥世帯主氏名
- ⑦住所
- ⑧性別

## 4 Hãy giữ gìn thẻ bảo hiểm cẩn thận 保険証は大切に

Khi tham gia BHYTQD, bạn sẽ được cấp thẻ bảo hiểm. Thẻ bảo hiểm là vật chứng minh bạn đang tham gia bảo hiểm và cần thiết khi bạn đi khám bệnh ở bệnh viện, vì vậy hãy sử dụng cẩn thận.

### Cách sử dụng đúng của thẻ bảo hiểm

- Khi được cấp thẻ bảo hiểm hãy xác nhận lại thông tin ghi trên thẻ bảo hiểm xem có gì sai sót không. Nếu tùy tiện sửa lại thì thẻ bảo hiểm sẽ không còn hiệu lực.
- Khi đi khám bệnh như ở bệnh viện chẳng hạn, nhất định hãy xuất trình thẻ bảo hiểm.
- Không thể cho mượn và mượn của người khác. Nếu vi phạm sẽ bị phạt theo pháp luật.
- Thẻ bảo hiểm hết thời hạn có hiệu lực không thể sử dụng được.
- Nếu bị mất hoặc bị hư hỏng, hãy đi đăng kí để được cấp lại.

### Thẻ bảo hiểm không thể dùng được khi

- Các trường hợp khám bệnh ở bệnh viện không áp dụng được thẻ bảo hiểm như (kiểm tra sức khỏe định kỳ, kiểm tra tổng quát, chỉnh hình thẩm mỹ, chỉnh nha, trị hôi nách, tàn nhang, seo ở mức độ nhẹ, sinh sản thông thường)
- Trường hợp bị thương khi làm việc ( thuộc đối tượng của bảo hiểm tai nạn lao động )
- Hạn chế trợ cấp đối với trường hợp ( có hành vi cố ý phạm tội, bị thương do xô xát, say rượu )

Quốc bảo hiểm gia nhập thì, 保険証が交付されます。保険証は、国保に加入していることを証明し、病院などに受診するときに必要になりますので、大切に取扱いましょう。

### 保険証の正しい使い方

- 交付されたら、記載事項に間違いがないか確認しましょう。勝手に書き直すと無効になる場合があります。
- 病院などに受診するときは、必ず提示しましょう。
- 他人との貸し借りはできません。法律により罰せられます。
- 有効期限が切れたものは使えません。
- 紛失したり破損した場合は、再交付の申請をしてください。

### 保険証が使えないとき

- 病院で保険適用できない治療などの場合 (健康診断、人間ドック、美容整形、歯列矯正、軽度のわきがやしみ、正常な出産など)
- 業務上のけがの場合 (労災保険の対象です)
- 給付制限となる場合 (故意の犯罪行為、けんかや泥酔など)

## 5 Các trợ cấp nhận được từ BHYTQD 国保で受けられる給付

### (1) Trợ cấp y tế

Bằng cách xuất trình thẻ bảo hiểm tại quầy tiếp đón của bệnh viện, bạn sẽ được khám chữa bệnh mà chỉ cần trả một phần của chi phí y tế. Ngoài ra, phần trăm chi phí y tế mà bạn tự chịu khác nhau theo độ tuổi... .

Trước nghĩa vụ giáo dục (từ 0 đến 6 tuổi)	<b>20%</b>
Sau nghĩa vụ giáo dục đến dưới 70 tuổi	<b>30%</b>
Từ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi	<b>20% hoặc 30%</b>

### Khi xảy ra tai nạn giao thông

- Về nguyên tắc nếu bạn bị thương do hành vi của bên thứ 3 như tai nạn giao thông..., thì bên thứ 3 sẽ là người chịu trách nhiệm.
- Hơn nữa, có những trường hợp khi muốn dùng thẻ bảo hiểm cần khai báo đến cơ quan chính quyền địa phương, vì vậy bạn vui lòng hãy đến trao đổi.

### (1) 療養の給付

保険証を病院などの窓口で提示することで、医療費の一部を負担するだけで医療を受けることができます。なお、負担する医療費の割合は、年齢などによって異なります。

義務教育就学前	<b>2割</b>
義務教育就学後から70歳未満まで	<b>3割</b>
70歳以上75歳未満	<b>2割または3割</b>

### 交通事故などにあつたとき

- 交通事故など第三者の行為によってけがをしたときは、第三者の負担が原則です。
- なお、国保の保険証を使用したいときは、市町村へ届出が必要な場合がありますので、ご相談ください。



## (2) Chi phí y tế

Trong những trường hợp dưới đây, sau khi tạm thời trả toàn bộ tri phí y tế cho bệnh viện, bạn hãy nộp đơn đến quầy tiếp đón của BHYTQD.

Khi đó cơ quan hành chính địa phương sau khi xét duyệt, chấp nhận nội dung đơn của bạn sẽ thanh toán lại cho bạn phần phí y tế được hỗ trợ không bao gồm phần bạn tự chịu vào ngày sau đó.

- ① Khi đi khám mà bắt buộc dĩ không mang theo thẻ bảo hiểm y tế như đột ngột bị bệnh
- ② Khi bác sĩ chuẩn đoán và cho rằng cần thiết chế tạo dụng cụ chữa trị như đai định hình, ...
- ③ Khi bác sĩ chuẩn đoán và cho rằng cần tiếp nhận điều trị phục hồi judo, châm cứu, bấm huyệt, xoa bóp.
- ④ Bắt buộc dĩ phải tiếp nhận điều trị do đột ngột bị bệnh khi đang xuất ngoại ( trừ trường hợp xuất ngoại với mục đích chữa bệnh)

### Những chú ý liên quan đến chi phí điều trị ở nước ngoài

- Đối tượng được hỗ trợ chi phí y tế nước ngoài chỉ được áp dụng cho các hoạt động y tế được chấp nhận là điều trị y tế bảo hiểm tại nhật.
- Trường hợp ra nước ngoài với mục đích chữa trị bệnh sẽ không được bảo hiểm hỗ trợ chi trả.
- Để đăng kí trợ cấp chi phí y tế ở nước ngoài bạn cần có giấy chứng nhận chuyên môn do bác sĩ của bệnh viện ở quốc gia mà bạn đã khám bệnh. Vì vậy hãy mang theo khi xuất ngoại, để phòng bị cho những trường hợp bị ốm đau đột ngột chẳng hạn. Về mẫu đơn, vui lòng đến cơ quan hành chính nơi bạn ở để được tư vấn.

## (2) 療養費

次のような場合は、医療費の全額を病院などに支払ってから、国保の窓口で申請してください。

市町村が申請内容を審査し、申請が認められた場合には、自己負担分を除く金額が療養費として後日支給されます。

- ①急病などでやむを得ず保険証を持たずに受診したとき
- ②医師が必要と認め、コルセットなどの治療用器具をつくったとき
- ③医師が必要と認めた、柔道整復・はり・きゅう・あん摩・マッサージの施術を受けたとき
- ④海外渡航中(治療目的で渡航した場合を除く)に急病やけがにより、やむを得ず治療を受けたとき

### 海外療養費に関する注意

- 海外療養費の支給対象となるのは、日本国内で保険診療として認められている医療行為に限られます。
- 治療目的で海外へ渡航し診療を受けた場合は、支給対象となりません。
- 海外療養費の申請には、受診した海外の病院などの医師が記入した専用の証明書が必要になります。急病などに備えるため、持参して渡航するようにしましょう。様式については、お住まいの市町村にご相談ください。



### (3) Chi phí y tế cao

Khi khoản chi phí y tế tự trả trong 1 tháng cao vượt quá khả năng bạn có thể trả được, thì số tiền vượt quá giới hạn đó sẽ được bảo hiểm hỗ trợ chi trả như là một khoản chi phí y tế cao. Hơn nữa, nếu chi phí y tế trở nên quá cao do nhập viện, thì trước tiên bạn hãy nộp đơn đăng kí tại cơ quan hành chính địa phương và nhận 「giấy chứng nhận」 (giấy chứng nhận áp dụng số tiền hạn mức hoặc áp dụng số tiền hạn mức . giấy chứng nhận giảm trừ khoản chi tiêu chuẩn), sau đó bằng cách xuất trình tại quầy tiếp đón của bệnh viện, phần chi phí y tế tự chịu sẽ được giảm đến số tiền giới hạn mà bạn có thể trả được.

### (4) Trợ cấp 1 lần sinh và nuôi con

Khi người tham gia bảo hiểm sinh con, sẽ được BHYTQD chi trả chi phí sinh con cho 1 lần theo thủ tục. Ngoài ra, trường hợp bị lưu thai, sảy thai cũng sẽ nhận được khoản trợ cấp này nếu mang thai từ 12 tuần (85 ngày) trở lên.

### (5) Chi phí tang lễ

Khi người tham gia BHYTQD qua đời, bảo hiểm sẽ hỗ trợ chi trả chi phí tang lễ cho người làm tang lễ theo đơn đăng kí.

### (6) Chi phí di chuyển bệnh nhân

Trường hợp bệnh nặng phải nhập viện khẩn cấp hoặc chuyển viện theo chỉ thị của bác sĩ, thì chi phí di chuyển của sự di chuyển đó sẽ được bảo hiểm hỗ trợ chi trả. Nếu là chi phí di chuyển khi đi bệnh viện thông thường thì không thuộc đối tượng được hỗ trợ.

#### Chú ý

từ mục (2) ~ (6) nếu quá 2 năm thì không thể làm đơn được nữa.

### (3) 高額療養費

1か月に支払った自己負担額が高額となったときは、限度額を超えた分が高額療養費として支給されます。また、入院などにより、医療費が高額になる場合には、あらかじめ市町村に申請して「認定証」(限度額適用認定証または限度額適用・標準負担額減額認定証)の交付を受け、病院などの窓口で提示することで、窓口での負担を高額療養費の限度額までとすることができます。

### (4) 出産育児一時金

国保の加入者が出産したときは、手続により出産育児一時金が支払われます。なお、死産や流産の場合でも、妊娠12週(85日)以上であれば支給の対象となります。

### (5) 葬祭費

国保の加入者が死亡したときは、申請により葬祭を行った方に葬祭費が支給されます。

### (6) 移送費

医師の指示による、緊急的な重病人の入院や転院などの移送を行った場合、その移送にかかった移送費が支給されます。通常の通院にかかる交通費などは支給の対象外です。

#### 注意

(2)～(6)は、2年を過ぎると申請出来ません。

## 6 hãy nộp phí bảo hiểm ( thuế ) 保険料(税)を納めましょう

Khi tham gia BHYTQD, bạn cần phải nộp phí bảo hiểm ( thuế ) . Phí bảo hiểm ( thuế ) là ngân quỹ quý giá cho chi phí y tế của mọi người. Nhất định hãy nộp phí bảo hiểm trong kì hạn.

### ( 1 ) cách tính phí bảo hiểm ( thuế bảo hiểm )

Phí bảo hiểm ( thuế ) được tính toán theo từng năm, từng hộ gia đình, từng độ tuổi.

#### ① Từng năm

Phí bảo hiểm được tính dựa trên thu nhập của năm trước đó. Để tính phí bảo hiểm ( thuế ) được chính xác, bạn đừng quên kê khai thu nhập.

#### ② Từng hộ gia đình

Phí bảo hiểm ( thuế ) tính theo 1 hộ gia đình. Nếu trong 1 hộ gia đình có nhiều người tham gia các loại bảo hiểm khác nhau thì phí bảo hiểm ( thuế ) cũng sẽ được tính cùng nhau.

#### ③ Từng độ tuổi

Sự phân chia chi phí bảo hiểm ( thuế ) thay đổi theo từng độ tuổi.

国保に加入すると、保険料(税)を納める必要があります。保険料(税)は、みなさんの医療費にあてる貴重な財源です。必ず納期内に納めましょう。

### (1) 保険料(保険税)の計算方法

保険料(税)は年度ごと、世帯ごと、年齢ごとに計算します。

#### ①年度ごと

前年の所得をもとに計算。正しい保険料(税)の算定のためにも、忘れずに所得を申告しましょう。

#### ②世帯ごと

1世帯に対して保険料(税)を計算します。世帯に複数国保の加入者がいる場合でも、保険料(税)はまとめてかかります。

#### ③年齢ごと

年齢ごとで保険料(税)の内訳が変わります。

**Dưới 40 tuổi**



**Từ 40 tuổi ~64 tuổi**

※ Cộng thêm phí bảo hiểm của bảo hiểm chăm sóc



**65 tuổi trở lên**

※ nộp riêng phí bảo hiểm của bảo hiểm chăm sóc

**40歳未満**



**40歳~64歳**

※介護保険の保険料が加わります



**65歳以上**

※介護保険の保険料を別に納めます

## (2) các phương thức thanh toán phí y tế (thuế)

Hãy nộp phí bảo hiểm trước khi đến kì hạn. Các hình thức thanh toán chính như sau.

### ① thanh toán bằng chuyển khoản

Phí bảo hiểm (thuế) của mỗi lần sẽ được tự động trừ vào tài khoản ngân hàng được chỉ định. Bạn sẽ không phải lo lắng mình quên chưa nộp bảo hiểm, rất tiện lợi và an toàn.

### ② thanh toán bằng phiếu thanh toán

Bạn hãy sử dụng phiếu thanh toán được gửi từ cơ quan hành chính địa phương thanh toán tại ngân hàng, bưu điện gần nhất, hoặc tại cơ quan hành chính nơi bạn ở. Ngoài ra, tùy thuộc vào cơ quan hành chính địa phương mà bạn có thể thanh toán tại các cửa hàng tiện lợi.

## (3) sự quyết toán phí bảo hiểm

Khi bạn về nước hoặc khi bạn chuyển sang các địa phương khác ở nhật bạn cần đi khai báo về việc ngừng tham gia BHYTQD, nhưng đồng thời bạn cũng cần phải thanh toán phí bảo hiểm. Quyết toán được tính ứng với thời gian tham gia bảo hiểm.

### Trường hợp phát sinh quyết toán phí bảo hiểm sau khi về nước

Tùy vào thời điểm về nước, mà sau khi bạn về nước có thể phát sinh thu phí bảo hiểm hoặc hoàn trả lại phí bảo hiểm. Vì vậy trong trường hợp đó chúng tôi muốn có người đang ở nhật làm đại diện cho các khoản thanh toán đó của bạn, vì vậy hãy hoàn thành thủ tục đó, trước khi về nước.

## (2) 保険料(税)の支払い方法

保険料(税)は、納期限までに納めましょう。主な納付方法は、以下の通りです。

### ①口座振替で納める

毎回の保険料(税)が、指定の口座から自動的に引き落とされます。納め忘れの心配がなく、安心して便利です。

### ②納付書で納める

市町村から送付される納付書を利用して、お近くの金融機関、郵便局、またはお住まいの市町村の窓口で納めて下さい。なお、市町村によってはコンビニエンスストアで収納出来る場合もあります。

## (3) 保険料(税)の精算

帰国される際や、日本の他の市町村に転出される際には、国保をやめる届出が必要(p4 参考)ですが、同時に保険料(税)の精算も必要です。精算は、国保の加入期間に応じて計算されます。

### 帰国後に保険料(税)の精算が生じる場合

帰国のタイミング等によって、帰国後に保険料(税)の追加徴収および還付が生じる場合があります。その場合、日本にいる方に納付等の代理を行っていただきたいので、帰国の際には市町村で手続を行ってください。

#### (4) nếu bạn nộp chậm trễ phí bảo hiểm

##### ●Thư nhắc nhở sẽ được gửi đến

Lời nhắc nhở sẽ thực hiện bằng văn bản. Hơn nữa bạn sẽ bị thu tiền phạt do thanh toán chậm trễ.

##### ●Có thể bị cấp lại thẻ bằng thẻ bảo hiểm có thời hạn ngắn hoặc giấy chứng nhận tư cách người được bảo hiểm

Thay cho thẻ bảo hiểm thông thường, thì bạn sẽ bị cấp lại bằng thẻ bảo hiểm có thời hạn ngắn, hơn nữa nếu tiếp tục chậm trễ sẽ bị cấp giấy chứng nhận tư cách người bảo hiểm (khi đó bạn sẽ phải trả lại thẻ bảo hiểm). Với giấy chứng nhận tư cách người được bảo hiểm thì bạn phải tạm thời trả toàn bộ phí y tế khi đi bệnh viện. (ngày sau đó bạn có thể nộp đơn để được hoàn trả lại phần được bảo hiểm trợ cấp là ( 70% phí bảo hiểm)).

##### ●có thể bị tịch thu tài sản

Bạn có thể bị tiến hành điều tra và tịch thu tài sản như tiền lương hoặc tiền gửi tiết kiệm . bảo hiểm nhân thọ,... để chi trả cho khoản nợ phí bảo hiểm chậm trễ.

#### Trước khi bị thực hiện các biện pháp trên

nếu bạn gặp khó khăn khi chi trả chi phí bảo hiểm (thuế ) , vui lòng nhanh chóng trao đổi tại quầy tiếp đón của cơ quan hành chính địa phương.

#### (4) 保険料(税)を滞納してしまうと

##### ●督促状が送付されます

文書による督促が行われます。また、延滞金などを徴収される場合があります。

##### ●短期証や資格証明書が交付される場合があります

通常保険証の代わりに、有効期間の短い短期証が交付され、さらに滞納すると資格証明書が交付されます。資格証明書で病院にかかった場合はいったん医療費の全額を支払わなければなりません。(後日保険給付分の払い戻しを申請できます。)

##### ●財産が差し押さえられる場合があります

滞納分に充てるため、給与や預貯金・生命保険などの財産調査や差し押えが行われることがあります。

#### 上記の措置がとられる前に

保険料(税)の支払が困難になった場合は、お早めにお住まいの市町村の窓口にご相談下さい。

(5) Có thể bị ảnh hưởng đến việc gia hạn tư cách lưu trú

● Trường hợp tình trạng thanh toán chậm trễ quá tồi tệ

Nếu tình trạng thanh toán chậm trễ quá tồi tệ như là chưa nộp một khoản phí bảo hiểm lớn hoặc trong thời gian dài chưa thanh toán phí bảo hiểm..., thì có khả năng bạn sẽ không được chấp nhận gia hạn tư cách cư trú.

**Gửi đến công dân cư trú với tư cách kỹ năng đặc định**

Khi gia hạn tư cách cư trú, bạn cần phải nộp tình trạng tham gia bảo hiểm xã hội hoặc giấy chứng minh đóng phí BHYTQD (từ tháng 4 năm 2019)

Từ tháng 4 năm 2019, khi người đang cư trú ở Nhật với tư cách kỹ năng đặc định thực hiện gia hạn tư cách cư trú, cần phải nộp chứng nhận tình trạng tham gia bảo hiểm xã hội hoặc giấy chứng nhận thanh toán BHYTQD. Khi gia hạn bạn đừng quên chuẩn bị khi cần thiết.

(5) 在留期間の更新に影響が及ぶ可能性があります

● 滞納状況が悪質だと判明した場合

高額な保険料(税)を未納していることや、長期に渡り未納していることなど、悪質な状況が判明した場合、在留期間の更新が許可されない可能性があります。

**特定技能の資格で在留している方へ**

資格更新には、社会保険の加入状況や国保料納付証明書の提出が必要になる場合があります (2019年4月から)

2019年4月から、特定技能の資格で日本に在留している方が在留期間の更新を行う時、社会保険の加入状況や国保料の納付証明書の提出が必要になる場合があります。更新の際には、必要に応じて忘れずに用意しましょう。

---

## Thủ tục của bảo hiểm y tế quốc dân ( bản tiếng việt)

xuất hành tháng 9 năm 2021

Biên tập . phát hành hokkaido nakashibetsu

〒086-1197 hokkaidoushibetsu-gun, nakashibetsu-chou, maruyama 2 choume 22 banchi

Điện thoại 0153-73-3111 FAX 0153-73-5333

<http://www.nakashibetsu.jp/>

## 国民健康保険の手引き(ベトナム語版)

令和3年(2021年)9月 発行

編集・発行 北海道中標津町

〒086-1197 北海道標津郡中標津町丸山2丁目22番地

電話 0153-73-3111 FAX 0153-73-5333

<http://www.nakashibetsu.jp/>

---

この冊子は、北海道が作成した「国民健康保険の手引き」を翻訳・編集したものです。